

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
H. HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2023

V/v tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng

2. Ông Đặng Nam Hưng

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Thị Mỹ Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý 31/2023/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXX-ST ngày 11/4/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Thái Công A, sinh năm 1952; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, thôn P, xã H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, thôn P, xã H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2023, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Thái Công A trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T xây dựng gia đình, chung sống và có quan hệ hôn nhân thực tế với nhau từ năm 1975; đến ngày 08/5/2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi xây dựng gia đình vợ chồng sống chung tại thôn P, xã

H, huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng cho đến nay. Quá trình sống chung thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, bà T ghen tuông vô cớ, chửi mắng ông, nói xấu ông từ làng trên xóm dưới làm cho ông rất bức xúc. Ông đang bị bệnh tim nhưng bà T thường xuyên chửi mắng ông nên đã làm cho bệnh tật của ông càng nặng thêm. Có lần bà T còn gây thương tích cho ông, ông đã báo Công an xã H để giải quyết. Trước đây, vào năm 2021, 2022 ông đã có hai lần nộp đơn ly hôn lên Tòa án nhưng sau vì các con khuyên can nên ông đã rút đơn về để đoàn tụ. Tuy nhiên, mỗi lần rút đơn về là bà T lại tiếp tục tìm cớ gây sự với ông, chửi mắng ông thậm tệ. Hiện nay ông đang bị bệnh tim, tuổi đã cao nên cần không gian yên tĩnh để trị bệnh nhưng bà T lại luôn gây sự chửi mắng ông nên ông thấy rằng sẽ có lúc ông không chống cự với bệnh tật được. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, không hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T.

Về quan hệ con chung: Ông xác định giữa ông và bà T có 06 con chung tên là Thái Thị Huyền, sinh năm 1975, Thái Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1976, Thái Công Châu, sinh năm 1979, Thái Thị Hồng Tố, sinh năm 1983, Thái Công Quận, sinh năm 1984, Thái Thị Hồng Nhung, sinh năm 1986. Các con chung đã thành niên nên ông không đề cập yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn bà Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án.***

**** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*** Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao Giấy khai sinh của con chung; CCCD, CMND và Sổ hộ khẩu của đương sự, bản tự khai của nguyên đơn, biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

**** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.***

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xử cho ông A được ly hôn bà T. Về con chung: đã thành niên nên không đề cập đến. Về tài sản chung và nợ chung: Ông A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí sơ thẩm ông A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] *Về thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại huyện Hòa Vang. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Ông Thái Công A và bà Nguyễn Thị T xây dựng gia đình, có quan hệ hôn nhân thực tế với nhau vào năm 1975; đến ngày 08/5/2017 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng (*theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 49/2017 ngày 08/5/2017*), hôn nhân tự nguyện. Đây là hôn nhân có đủ các điều kiện do Luật Hôn nhân và gia đình quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, ông A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng nên tha thiết xin ly hôn. Bà T vắng mặt tại phiên tòa và không có nguyện vọng ý kiến trình bày gì gửi Tòa án xem xét.

[5] Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Quá trình sống chung thì giữa vợ chồng ông A và bà T xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân là do tính tình quan điểm sống không hợp, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát nhau. Theo kết quả xác minh về tình trạng mâu thuẫn của ông A bà T tại địa phương thể hiện “*Trong quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau trong thời gian dài. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được*

chính quyền địa phương can thiệp hoà giải nhưng vẫn không cải thiện. Ông A và bà T sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay”. Năm 2021 và 2022 ông A đã có hai lần nộp đơn ly hôn đến Toà án, sau đó được con cái khuyên giải nên đã rút đơn về để đoàn tụ nhưng mâu thuẫn vẫn không thể khắc phục. Hiện ông A và bà T đã sống ly thân, mỗi người một nhà. Như vậy, hôn nhân giữa ông A và bà T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu xin được ly hôn của ông A là chính đáng, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ông A được ly hôn bà T.

[6] Về con chung: Ông A và bà T có 06 con chung tên là Thái Thị Huyền, sinh năm 1975, Thái Thị Hồng Ngọc, sinh năm 1976, Thái Công Châu, sinh năm 1979, Thái Thị Hồng Tố, sinh năm 1983, Thái Công Quận, sinh năm 1984, Thái Thị Hồng Nhung, sinh năm 1986. Các con chung đã đủ tuổi thành niên nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Ông A và bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về nợ chung: Ông A xác định không có và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp ly hôn*" của ông Thái Công A đối với bà Nguyễn Thị T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ông Thái Công A ly hôn bà Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Không giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) ông Thái Công A phải chịu nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0009166 ngày 06/3/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Ông Thái Công A đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang
(Số ĐKKH: 49/2017 ngày 08/5/2017);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa